

## SẢN XUẤT

### GIẢI PHÁP THÁO GỖ KHÓ KHĂN CHO CÁC HỢP TÁC XÃ, DOANH NGHIỆP, SẢN XUẤT, KINH DOANH NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN TOÀN TẠI HÀ NỘI



*Thanh tra Sở Nông nghiệp & PTNT kiểm tra công tác đảm bảo vệ sinh ATTP*

Thành phố Hà Nội hiện có số dân khoảng 10 triệu người đang cư trú và công tác, học tập, du lịch. Với số dân như hiện nay, để đảm bảo nguồn lương thực, thực phẩm cho người dân Thủ đô hàng năm, cần khoảng 890 nghìn tấn gạo; 139 nghìn tấn thịt gia súc; 42 nghìn tấn thịt gia cầm; 900 triệu quả trứng các loại; 54 nghìn tấn hải sản tươi sống, chế biến; 900 nghìn tấn rau các loại, trên 400 nghìn tấn quả tươi... Trong khi đó, khả năng sản xuất tại chỗ của Thành phố mới đảm bảo khoảng 69% thịt gia súc, gia cầm; 32% thủy sản các loại; 38% gạo tẻ chất lượng; 60% rau, củ quả; 18% trái cây tươi các loại. Lượng còn lại phải nhập từ các tỉnh thành trong cả nước và nhập khẩu nước ngoài. Để cung cấp lượng nông sản thực phẩm trên, hiện nay trên địa bàn thành phố có 1.637 trang trại trong đó 147 trang trại tổng hợp, 1.346 trang trại chăn nuôi, 132 trang trại nuôi trồng thủy sản, 11 trang trại trồng trọt; 01 trang trại lâm nghiệp.

Về Hợp tác xã (HTX) sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm, toàn Thành phố hiện có 1.088 HTX, bao gồm 1.027 HTX Dịch vụ nông nghiệp, 23 HTX chăn nuôi; 09 HTX Thủy sản; 29 HTX trồng trọt (rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả...). Doanh thu bình quân trên 990 triệu đồng/HTX, thu hút khoảng 1,1 triệu xã viên tham gia sản xuất, kinh doanh. Với Doanh nghiệp (DN) sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm, trên địa bàn Thành phố

hiện có trên 154.000 DN, là địa phương đứng thứ hai cả nước về số lượng DN hoạt động kinh doanh. Trong đó có khoảng 1.150 DN hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Các DN đầu tư, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung và sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm nói riêng chủ yếu là các DN vừa và nhỏ, có tổng vốn kinh doanh thấp (tỷ lệ DN có vốn kinh doanh dưới 10 tỷ đồng chiếm trên 80% tổng số DN).

Về hệ thống kênh phân phối nông sản thực phẩm, Thành phố Hà Nội hiện có 425 chợ, trong đó có 15 chợ hạng Một, 66 chợ hạng Hai, 310 chợ hạng Ba và 34 chợ chưa được phân hạng. Ngoài ra còn có 24 trung tâm thương mại, 136 siêu thị và trên 1.000 cửa hàng kinh doanh nông sản thực phẩm chủ yếu tập trung tại các quận nội thành. Các hình thức cung cấp nông sản thực phẩm cho người tiêu dùng rất phong phú và đa dạng như chợ đầu mối, chợ dân sinh; Siêu thị, Trung tâm thương mại, cửa hàng Nông sản thực phẩm an toàn, cửa hàng tiện ích; Cung cấp trực tiếp đến các bếp ăn tập thể; Bán hàng qua hình thức online; Bán hàng lưu động ...

Hiện các HTX, DN sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm trên địa bàn TP đang có nhiều thuận lợi như nông sản thực phẩm là sản phẩm thiết yếu phục vụ bữa ăn hàng ngày cho mọi người nên nhu cầu thị trường lớn, đặc biệt ở các thành phố lớn như Hà Nội. Thị trường tiêu thụ nông sản thực phẩm của Hà Nội lớn hiện sản xuất mới chỉ đáp ứng được trên 50% tổng lượng nhu cầu. Vấn đề vệ sinh ATTP đang được các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương rất quan tâm chỉ đạo coi đây là chương trình trọng tâm của Quốc gia. Thời gian qua Trung ương và TP đã ban hành một số chính sách hỗ trợ sản xuất đến tiêu thụ. Công tác xúc tiến thương mại nông nghiệp đã thu được nhiều kết quả tích cực.

Tuy nhiên bên cạnh mặt được, các HTX, DN sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm tại Hà Nội cũng đã và đang gặp không ít khó khăn, thách thức. Cụ thể về cơ chế chính sách, TP chưa có cơ chế chính sách đặc thù đủ mạnh hỗ trợ cho các

DN. Thiếu cơ chế, chính sách cho việc tổ chức liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu dùng. Chưa có cơ chế chính sách hỗ trợ vùng để tạo ra sự liên kết giữa doanh nghiệp của Hà Nội và doanh nghiệp của các địa phương với nhau. Về đất đai DN khó khăn về thiếu đất sản xuất, đất kho bãi, đất xây dựng và địa điểm giới thiệu và bán sản phẩm nông sản trong nội thành. Khó khăn nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là vốn dài hạn để đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, công nghệ hiện đại. Về công tác quản lý giám sát chất lượng sản phẩm nông nghiệp mặc dù đã thu được những kết quả, song cũng còn hạn chế, vẫn còn tình trạng các sản phẩm kém chất lượng tiêu thụ tại thị trường nên cũng phần nào ảnh hưởng khả năng cạnh tranh và tâm lý của những doanh nghiệp làm ăn chân chính và lòng tin người tiêu dùng.

Bên cạnh đó giá các loại vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp và các sản phẩm đầu ra thường xuyên biến động nên gây khó khăn cho doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh. Thời tiết và dịch bệnh hàng năm có diễn biến phức tạp làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp nói chung và nông sản thực phẩm nói riêng do các ngành hàng này phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, khí hậu và dịch bệnh. Công tác thông tin tuyên truyền và xúc tiến thương mại nông nghiệp còn hạn chế trong việc nắm bắt các thông tin về chủ trương chính sách về quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp và chính sách hỗ trợ đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp. Khả năng tuyên truyền quảng bá sản phẩm và nhãn hiệu, thương hiệu của doanh nghiệp nông nghiệp còn yếu. Người tiêu dùng thiếu thông tin về sản phẩm an toàn và cơ sở sản xuất uy tín. Nhận thức của người dân, người tiêu dùng đối với người sản xuất đôi khi chỉ thấy lợi trước mắt không chú ý đến doanh nghiệp, chưa quan tâm đến việc chia sẻ với doanh nghiệp. Đối với người tiêu dùng kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm nhất là trong lĩnh vực nông sản thực phẩm còn hạn chế nên các DN sản xuất kinh doanh sản phẩm Nông nghiệp an toàn gặp khó khăn về giá sản phẩm an toàn khi tiêu thụ trên thị trường.

Từ thực trạng trên, để tạo điều kiện cho các HTX, DN, cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn, ngành Nông nghiệp Hà Nội đã và đang tập trung đưa ra các giải pháp cụ thể. Về chính sách, tham mưu đề xuất UBND Thành phố xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ vùng để tạo ra sự liên kết giữa các địa phương với nhau nhằm tạo ra các sản phẩm hàng hóa có hàm lượng tri thức cao, đặc sản vùng miền đủ sức cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nội địa và hội nhập quốc tế. Bổ sung chính

sách ưu đãi về thuê đất đai sát với thực tế để phục vụ sản xuất trong nông nghiệp; Có chính sách về quỹ đất sạch cho doanh nghiệp để kết hợp chăn nuôi - trồng trọt, thực hiện các dự án liên kết. Xây dựng chính sách Bảo hiểm thuận lợi để các doanh nghiệp và người dân tham gia và yên tâm trong liên kết sản xuất. Đơn giản hoá các thủ tục hành chính để doanh nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin về chính sách, thị trường cũng như các hỗ trợ về sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn.

Thực hiện chương trình hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ, tạo cho doanh nghiệp có cơ hội được tìm hiểu và tiếp cận các công nghệ mới trong và ngoài nước. Tạo điều kiện thuận lợi và ưu đãi nhất cho các doanh nghiệp trong nước được chuyển giao các sản phẩm khoa học công nghệ trong nông nghiệp đến với bà con nông dân. Tăng cường sự liên kết giữa các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm Nông nghiệp với các Viện, Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp. Đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh các đơn vị, các doanh nghiệp, các cá nhân sản xuất hàng nhái, hàng giả, hàng không đủ tiêu chuẩn để đảm bảo công bằng cho các doanh nghiệp làm ăn nghiêm túc và bảo vệ được quyền lợi cho người tiêu dùng.

Đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quảng bá thương hiệu để người sản xuất, nhà kinh doanh, người tiêu dùng hiểu rõ hơn về sản phẩm nông sản an toàn, các vật tư sản xuất nông sản sạch, các gương điển hình trong sản xuất nông sản an toàn. Tuyên truyền rộng rãi và khuyến khích bà con nông dân thực hiện hiệu quả chương trình "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" mà Trung ương Mặt trận Tổ quốc đã phát động. Bên cạnh đó đẩy mạnh việc cung cấp các thông tin về vùng sản xuất, sản phẩm đặc trưng, doanh nghiệp tiêu thụ, thị trường tiềm năng để các doanh nghiệp kết nối hiệu quả. Tăng cường sự liên kết giữa các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất trong và ngoài thành phố. Đào tạo nguồn nhân lực để giúp cho việc tổ chức sản xuất, xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm. Đối với người tiêu dùng tập huấn kiến thức nhận diện sản phẩm an toàn, kiến thức vệ sinh an toàn thực phẩm, kỹ năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Với các giải pháp được triển khai đồng bộ cùng sự vào cuộc của các cấp các ngành, sự đồng thuận của người dân, người tiêu dùng chắc chắn sẽ tạo điều kiện để các doanh nghiệp, HTX sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn sẽ giảm bớt khó khăn và có bước phát triển tích cực./.

**Nguyễn Ngọc Sơn**

# HỘI THI THAO GIẢNG KHUYẾN NÔNG PHỤC VỤ TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP NĂM 2016



Hội thi Thao giảng Khuyến nông phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2016 là một sân chơi bổ ích, là ngày hội đua tài của các cán bộ khuyến nông từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, là dịp để đội ngũ cán bộ khuyến nông các tỉnh phía Bắc giao lưu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật, kỹ năng, phương pháp trong công tác khuyến nông đặc biệt là kỹ năng thao giảng phục vụ tập huấn đào tạo khuyến nông.

Vừa qua tại tỉnh Lào Cai, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Lào Cai tổ chức Hội thi Thao giảng Khuyến nông phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2016 với sự tham gia tranh tài của 6 đội dự thi đến từ các tỉnh, thành thuộc khu vực phía Bắc gồm: Hà Nội, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hưng Yên, Hà Nam và đội chủ nhà Lào Cai. Tham dự hội thi có nhiều đại biểu là lãnh đạo đến từ UBND, HĐND tỉnh Lào Cai, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Sở Nông nghiệp & PTNT, Trung tâm Khuyến nông 6 tỉnh, thành phố.

Đến với Hội thi lần này đội tuyển Hà Nội có 12 thành viên, là cán bộ Khuyến nông đang công tác tại các phòng chuyên môn, trạm khuyến nông các huyện, thị xã: Sơn Tây, Đan Phượng, Hoài Đức,

Quốc Oai, Thạch Thất, Chương Mỹ, Thanh Oai, Ứng Hòa, Mỹ Đức, Thường Tín.

Các đội dự thi phải trải qua 3 phần thi: Phần chào hỏi với chủ đề "Vai trò của công tác tập huấn, khuyến nông phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp". Giới thiệu khái quát về tình hình kinh tế - xã hội đặc thù của địa phương trong phát triển nông nghiệp, nông thôn, nêu bật được vai trò của công tác đào tạo, tập huấn khuyến nông phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tại địa phương thông qua sân khấu hóa (hoạt cảnh, ca cảnh, tấu hài, tiểu phẩm,...) với thời lượng 10 phút, tối đa 10 thành viên. Phần kiến thức và kỹ năng, mỗi đội cử 5 thành viên trả lời 2 câu hỏi, trong thời lượng 5 phút, với các nội dung về nghiệp vụ đào tạo, tập huấn khuyến nông, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp,... Phần thi thực hành thao giảng: mỗi đội cử người đại diện bốc thăm chuyên ngành giảng và cử 01 thí sinh thực hiện thao giảng. Nội dung giảng thuộc một loại cây hoặc con theo 4 chuyên ngành: Trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp. Tổng thời gian cho phần thao giảng là 15 phút trong đó thời gian thao giảng tối đa 10 phút, thời gian trả lời câu hỏi tình huống của Ban giám khảo tối đa là 5 phút.

Qua một buổi sáng thi đấu hết sức căng thẳng, hào hứng, đoàn kết không kém phần hồi hộp của các thí sinh và cổ động viên qua các phần thi. Kết quả: Đội Trung tâm Khuyến nông tỉnh Lào Cai đạt giải nhất, giải nhì thuộc về đội Trung tâm Khuyến nông tỉnh Hà Nam và Trung tâm Khuyến nông thành phố Hà Nội, giải ba gồm ba đội Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Hưng Yên. Ngoài ra, Ban Tổ chức còn trao giải cá nhân có bài thao giảng xuất sắc nhất, đội tuyển có màn chào hỏi ấn tượng nhất./.

**Trung Xuân**

## HÀ NỘI TẬP TRUNG THẢO GIẢNG GIẢI KHẮC KHĂN TRONG CHĂN NUÔI BÒ SỮA

Với bối cảnh chung của ngành chăn nuôi bò sữa tại Việt Nam, hiện nay tình hình chăn nuôi bò sữa trên địa bàn Hà Nội gặp rất nhiều khó khăn. Nguyên nhân do quy mô chăn nuôi bò sữa tại Hà Nội còn nhỏ lẻ (4,7 con/hộ) không theo quy hoạch, kỹ thuật chăn nuôi còn hạn chế, giá sữa bột nhập khẩu giảm mạnh. Các Công ty chế biến sữa ngày càng siết chặt cơ chế quản lý, đánh giá chất lượng sữa và trả tiền sữa theo chất

lượng nên giá sữa thu mua, trước đây bình quân là 12.500 đ/kg đến nay giảm xuống còn 10.061 đ/kg. Có nhiều hộ chỉ bán được giá sữa 7.000 đ/kg. Do vậy, lãi suất từ chăn nuôi bò sữa không còn hấp dẫn nên nhiều hộ chăn nuôi bò sữa quy mô nhỏ, điều kiện đầu tư trang thiết bị, kỹ thuật còn hạn chế đã phải ngưng chuyển đổi chăn nuôi sang vật nuôi khác.

Đứng trước thực trạng trên, Trung tâm Phát triển

chăn nuôi Hà Nội đã thực hiện nhiều giải pháp để chung tay cùng người chăn nuôi bò sữa giải quyết những khó khăn trong khâu tiêu thụ sữa. Chỉ tính riêng trong năm 2016, Trung tâm đã tổ chức các cuộc hội thảo tại những huyện tập trung đàn bò sữa nhiều như Ba Vì, Gia Lâm, Phúc Thọ, Đông Anh, Quốc Oai, Đan Phượng, thành phần gồm có Lãnh đạo Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội, Lãnh đạo Trung tâm, các doanh nghiệp tiêu thụ sữa trên địa bàn Hà Nội như Công ty Cổ phần sữa quốc tế IDP, Công ty Cổ phần sữa Ba Vì, Công ty Cổ phần sữa Vinamilk, chính quyền địa phương và toàn bộ các hộ chăn nuôi bò sữa để cùng trao đổi, đưa ra các giải pháp công tác thu gom, tiêu thụ sữa được ổn định, bền vững và kiểm soát được tốt chất lượng sữa. Qua đó, tuyên truyền, định hướng cho bà con nông dân thực hiện đúng các điều khoản, cam kết đã ký với các Công ty chế biến sữa, không làm ăn kiểu chộp giật, bán sữa ra ngoài khi có giá cao hơn mà không bán cho công ty, đồng thời phổ biến các chính sách và quy hoạch vùng nguyên liệu sữa để không chăn nuôi kiểu tự phát, nhỏ lẻ mà cần theo đúng định hướng của Thành phố.

Phối hợp với Công ty Cổ phần sữa Ba Vì tổ chức 20 lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, chú trọng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh và đặc biệt là kiểm soát chất lượng con giống cho trên 1.500 người chăn nuôi tham gia để cải thiện, nâng cao chất lượng sữa; Kết nối các doanh nghiệp sản xuất thức ăn để cung cấp trực tiếp cho các hộ chăn nuôi và triển khai phương thức thanh toán thông qua việc đổi trừ tiền bán sữa nhằm giảm giá thành sản xuất và giảm áp lực tài chính cho các hộ chăn nuôi; Tiến hành giám định bình tuyển cho 10.000 bò cái sữa để phục vụ công tác quản lý giống đồng thời tư vấn cho người chăn nuôi thải loại bò kém chất lượng, thay thế bò có phẩm chất tốt nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sữa.

Hiện tại, riêng Công ty Cổ phần sữa Quốc tế, đã tổ chức ký hợp đồng đảm bảo tiêu thụ sản phẩm ổn định cho gần 2.000 hộ chăn nuôi bò sữa, chiếm 70% sản lượng sữa trên toàn thành phố, còn lại là do các công ty khác thu mua như Vinamilk, Công ty Cổ phần sữa Ba Vì, Công ty Cổ phần sữa Hà Nội.

Để chăn nuôi bò sữa tại Hà Nội phát triển bền vững trong quá trình hội nhập kinh tế Quốc tế định hướng trong thời gian tới, Trung tâm Phát triển chăn nuôi Hà Nội sẽ tiếp tục tăng cường phối hợp với chính quyền các huyện, thị xã nắm bắt kịp thời tình hình chăn nuôi bò sữa để tham mưu cho Sở Nông nghiệp & PTNT, UBND Thành phố về chính sách khuyến khích hỗ trợ người chăn nuôi tiêu thụ sản phẩm và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thu mua, chế biến sữa bao tiêu hết lượng sữa tươi nguyên liệu trên địa bàn; Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ thuật chăn nuôi bò sữa; Tuyên truyền sâu rộng cho người chăn nuôi về chủ trương, chính sách phát triển chăn nuôi của Thành phố để người chăn nuôi yên tâm sản xuất, tránh tăng đàn tự phát, ngoài quy hoạch; Tăng cường tư vấn đầu tư, khuyến khích phát triển chăn nuôi bò sữa quy mô lớn, áp dụng công nghệ cao, tái cơ cấu ngành chăn nuôi bò sữa theo hướng tăng quy mô chăn nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản xuất đem lại hiệu quả kinh tế cao và ổn định cho người chăn nuôi bò sữa; Tư vấn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân phát triển chế biến sữa ra các sản phẩm đặc sản phục vụ khách du lịch cũng như nhu cầu người tiêu dùng để mở rộng các hình thức tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi; Mời gọi nhiều doanh nghiệp giải quyết tiêu thụ sản phẩm cho người chăn nuôi còn gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm.

Bên cạnh đó, để giải quyết khó khăn trong khâu tiêu thụ sữa Trung tâm sẽ tiếp tục làm việc với các công ty thu mua và chế biến sữa tươi để đề nghị phía doanh nghiệp chia sẻ với người chăn nuôi về những khó khăn trong quá trình chăn nuôi bò sữa hiện nay; thực hiện tốt thỏa thuận hợp đồng giữa công ty và người chăn nuôi. Đồng thời, thống nhất với người chăn nuôi về hợp đồng, tiêu chuẩn, chất lượng sữa và bổ sung các nội dung của hợp đồng (nếu cần thiết) tạo điều kiện cho người chăn nuôi cung cấp hết sản phẩm cho công ty. Chỉ đạo hệ thống, các điểm thu mua sữa thuộc công ty quản lý, từ thủ tục, quy trình thu mua cho đến lấy mẫu sữa kiểm tra và công bố kết quả nhằm tạo điều kiện thu mua hết sữa của nông dân sản xuất ra hàng ngày./.

**Nguyễn Thị Phương Thúy**



## HÀ NỘI PHÁT TRIỂN CÁC CHUỖI CUNG CẤP THỰC PHẨM SẠCH

Văn phòng Chính phủ vừa có thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thực phẩm của thành phố Hà Nội.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu thành phố Hà Nội tập trung quy hoạch, phát triển các chuỗi cung cấp thực phẩm sạch cho thành phố. Phát triển các vùng sản xuất nông sản sạch, có thương hiệu, các vùng trồng rau, hoa quả, các vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô tập trung, ứng dụng công nghệ hiện đại, gắn với thúc đẩy nông nghiệp công nghệ cao và tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh liên kết vùng với các tỉnh lân cận như: Hà Nam, Hưng Yên, Thái Bình, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hòa Bình... để cung cấp các sản phẩm thực phẩm sạch cho thành phố. Đồng thời, tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 9/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; phân công, phân cấp xác định trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm mỗi việc, mỗi nhiệm vụ phải có đầu mối chịu trách nhiệm; chú trọng kiểm tra công vụ, đề cao trách nhiệm người đứng đầu địa phương, đơn vị trong bảo đảm an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó quản lý chặt chẽ việc giết mổ gia súc, gia cầm. Rà soát lại quy hoạch cơ sở giết mổ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống người dân; quản lý chặt chẽ việc giết mổ ở các chợ, siêu thị; xử lý nghiêm việc giết mổ và vận chuyển gia súc, gia cầm không đúng quy định.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc yêu cầu thành phố Hà Nội xác định rõ trách nhiệm của UBND các cấp,

nhất là cấp xã, phường và chỉ đạo quyết liệt việc bảo đảm an toàn thực phẩm đối với thức ăn đường phố. Thành phố Hà Nội cần tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm các vi phạm; xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin cho nhân dân về thực phẩm an toàn, cảnh báo các loại thực phẩm không an toàn, cơ sở vi phạm về an toàn thực phẩm. Thành phố Hà Nội cần tăng cường kiểm tra, kiểm soát an toàn thực phẩm tại các chợ, siêu thị, làng nghề.

Thủ tướng Chính phủ đồng ý UBND thành phố Hà Nội mở rộng mô hình thí điểm thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm theo Quyết định số 38/2015/QĐ-TTg ngày 09/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ tại tất cả các quận, huyện, xã, phường để đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Thành phố nghiên cứu việc tổ chức lực lượng phản ứng nhanh để kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm an toàn thực phẩm.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Y tế chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương tổng kết mô hình thanh tra chuyên ngành an toàn thực phẩm theo quyết định 38/2015/QĐ-TTg ngày 09/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND thành phố Hà Nội xây dựng và phát triển các chuỗi cung ứng thực phẩm sạch, nhân rộng mô hình sản xuất tập trung theo tiêu chuẩn Viet-Gap, Global Gap để đảm bảo an toàn thực phẩm cho người dân và xuất khẩu. Bộ Công Thương chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành địa phương ban hành các quy định, hướng dẫn về quản lý an toàn thực phẩm tại các chợ, siêu thị./.

**TX (Theo dangcongsan.vn)**

## RA MẮT CHƯƠNG TRÌNH “NÔNG NGHIỆP SẠCH”

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Đài truyền hình Việt Nam tổ chức buổi họp báo giới thiệu chương trình truyền hình “Nông nghiệp sạch” Theo đó, chương trình sẽ chính thức ra mắt khán giả trên truyền hình từ ngày 1/11/2016 vào 18 giờ 20 hàng ngày trên kênh VTV1 Đài truyền hình Việt Nam. “Nông sản sạch” là chương trình truyền hình thực tế giới thiệu và quảng bá tới khán giả truyền hình cả nước các loại nông sản đặc sản của Việt Nam, các vùng nông nghiệp nổi tiếng của đất nước và các chuỗi sản xuất sạch hiện đang mạnh nhen phát triển trên tất cả tỉnh thành của đất nước.

Chương trình “Nông nghiệp sạch”, một sản phẩm truyền hình chưa từng có, một cánh tay nối dài của ngành nông nghiệp, một công cụ hữu hiệu để thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo định hướng sản xuất hàng hóa và hướng mạnh tới thị trường.

Chương trình được thực hiện theo hình thức truyền

hình thực tế với sự trải nghiệm sinh động của người dẫn chương trình và các phóng viên, tạo nên một kênh quảng bá hữu hiệu cho nông sản Việt Nam, từ đó truyền đi một thông điệp, một định hướng về một nền nông nghiệp xanh, sạch, hiệu quả kinh tế cao và phát triển bền vững.

Tại cuộc họp báo, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) - đơn vị tài trợ chính đã công bố chương trình tín dụng Nông nghiệp sạch - con đường nông sản Việt trị giá 50 nghìn tỷ đồng, chương trình tín dụng nông nghiệp sạch được Agribank dành cho vay phát triển sản xuất nông sản sạch tại tất cả các địa phương trong cả nước. Gói tín dụng này sẽ được triển khai cho vay từ ngày 1/11/2016 với đối tượng là tất cả các doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại tham gia sản xuất trong chương trình, chuỗi sản xuất nông nghiệp sạch./.

**NB (Theo KTTN)**

## QUY TRÌNH THỰC HÀNH CHĂN NUÔI TỐT CHO CHĂN NUÔI LỢN AN TOÀN TRONG NÔNG HỘ

Theo Quyết định số 2509/QĐ-BNN-CN ngày 22/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



Quy trình thực hành chăn nuôi tốt trong nông hộ (VietGAHP nông hộ) là những nguyên tắc, trình tự hướng dẫn nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm gia súc, gia cầm, sức khỏe người chăn nuôi và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm.. Nội dung quy trình như sau:

### 1. Vị trí, hệ thống hạ tầng chuồng trại và thiết bị dụng cụ chăn nuôi

1.1. Vị trí xây dựng chuồng nuôi, khu vực chăn nuôi lợn phải phù hợp với điều kiện thực tế của từng hộ và phải tách biệt với nơi ở và nguồn nước sinh hoạt của người.

1.2. Chuồng nuôi phải có tường bao kín hoặc hàng rào kín ngăn cách với khu vực xung quanh tránh người hay động vật khác ra vào tự do, có cổng ra vào riêng, có hố khử trùng hoặc bố trí phương tiện khử trùng ở cổng ra, vào.

1.3. Chuồng nuôi phải đảm bảo: Nền chuồng không trơn trượt, không đọng nước, dễ làm vệ sinh. Hệ thống tường, mái, rèm che chuồng phải đảm bảo không bị dột, thấm, không bị mưa hắt, tránh được gió lùa và dễ làm vệ sinh. Nên có hố khử trùng tại cửa mỗi dãy chuồng nuôi.

1.4. Nơi nuôi cách ly, tân đáo nên tách biệt với chuồng nuôi chính. Nên có nơi để hoặc kho để dự trữ, bảo quản thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y.

1.5. Khu vực xử lý chất thải, nước thải cần tách biệt với chuồng nuôi chính. Công suất của hệ thống xử lý chất thải, nước thải phải đáp ứng nhu cầu xử lý đối với quy mô đàn lợn được nuôi.

1.6. Có dụng cụ, thiết bị dùng riêng cho khu chăn nuôi. Các dụng cụ thiết bị này chỉ được sử dụng tại khu vực chăn nuôi và không dùng chung cho các

mục đích khác ngoài khu chăn nuôi.

1.7. Thiết bị chiếu sáng, đèn chụp sưởi và các dụng cụ, thiết bị điện khác nên được bảo vệ chống vỡ, chống cháy nổ... nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng và vật nuôi.

### 2. Giống và quản lý giống

2.1. Lợn giống phải có nguồn gốc rõ ràng.

2.2. Con giống phải khỏe mạnh và được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phù hợp với lứa tuổi lợn theo quy định của thú y.

2.3. Lợn giống mới nhập về cần được nuôi cách ly riêng và ghi chép đầy đủ các biểu hiện bệnh lý của con giống trong quá trình nuôi cách ly.

2.4. Không nuôi lẫn các lứa lợn khác nhau trong cùng ô chuồng; không nuôi chung lợn với các loài vật khác.

### 3. Thức ăn và quản lý thức ăn

3.1. Thức ăn phải có xuất xứ (địa chỉ nơi bán, đơn vị sản xuất...) rõ ràng, còn hạn sử dụng. Thức ăn đậm đặc phải có hướng dẫn phối trộn cho từng loại lợn; thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh phải có dấu hợp quy. Nguyên liệu dùng để phối trộn thức ăn phải đảm bảo vệ sinh, không bị ôi thiu, nấm mốc, mối mọt.

3.2. Khi phối trộn thức ăn đậm đặc cho lợn cần tuân thủ theo công thức đã được khuyến cáo; thức ăn tự phối trộn phải có và tuân thủ công thức. Thức ăn tận dụng phải được nấu chín trước khi cho ăn. Phải ghi chép đầy đủ thông tin về loại thức ăn, nguyên liệu thức ăn đã mua và sử dụng.

3.3. Trong trường hợp trộn thuốc vào thức ăn, phải kiểm tra đúng chủng loại thuốc, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất và phải ghi chép đầy đủ theo quy định.

3.4. Không sử dụng thức ăn có hoặc cho vào thức ăn chăn nuôi các hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

3.5. Thức ăn, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cần có nơi để bảo quản riêng biệt, khô ráo. Nên có các giá kê thức ăn và nguyên liệu, tránh đặt trực tiếp bao thức ăn xuống nền nhà. Nên có các biện pháp ngăn ngừa, diệt chuột và các loại côn trùng gây hại.

### 4. Nước uống và hệ thống cấp, thoát nước

4.1. Nước uống phải đáp ứng đủ theo nhu cầu của từng loại lợn; nguồn nước phải đảm bảo chất

lượng, hợp vệ sinh (như: nước dùng sinh hoạt; nước máy; nước đã qua xử lý đạt yêu cầu...).

4.2. Thường xuyên kiểm tra hệ thống cấp nước (bao gồm bể chứa, bồn chứa, đường ống dẫn, máng uống...) đảm bảo hệ thống không bị ô nhiễm, không bị rò rỉ.

4.3. Không để nước thải, nước rửa chuồng chảy tràn từ ô chuồng này sang ô chuồng khác, từ chuồng này sang chuồng khác và không được thải trực tiếp nước thải ra môi trường. Nên có hệ thống thu gom xử lý nước thải, nước rửa chuồng riêng.

### **5. Công tác thú y và vệ sinh thú y**

5.1. Vệ sinh chuồng trại: Hàng ngày quét dọn, thu gom chất thải rắn và chất thải lỏng. Định kỳ phát quang bụi rậm xung quanh chuồng nuôi, khơi thông cống rãnh.

5.2. Khử trùng chuồng trại: Thực hiện vệ sinh, khử trùng chuồng trại, các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi trước khi đưa lợn vào nuôi theo đúng quy định. Vệ sinh, khử trùng chuồng trại, các dụng cụ, thiết bị chăn nuôi ngay sau khi chuyển đàn/xuất bán và để trống chuồng ít nhất 7 ngày. Định kỳ phun thuốc khử trùng toàn bộ diện tích xung quanh khu vực chuồng nuôi.

5.3. Kiểm soát khu vực chăn nuôi: Các phương tiện dụng cụ, giày dép, ủng đều phải thực hiện khử trùng trước khi ra/vào khu chăn nuôi. Định kỳ khử trùng các thiết bị, dụng cụ và phương tiện phục vụ trong khu chăn nuôi. Hạn chế khách thăm quan và những người không phận sự ra vào khu chăn nuôi. Nếu cần thiết thăm thì khách phải thay quần áo, giày dép, đồ bảo hộ phù hợp và thực hiện các biện pháp khử trùng trước khi ra vào khu vực chăn nuôi.

5.4. Bảo hộ lao động: Phải có quần áo, bảo hộ lao động sử dụng riêng trong khu vực chăn nuôi. Người chăn nuôi phải thay quần áo, bảo hộ lao động khi ra vào khu vực chăn nuôi, đồng thời định kỳ khử trùng quần áo, bảo hộ lao động.

5.5. Tiêm phòng: Phải tiêm phòng vắc xin đầy đủ đối với các bệnh bắt buộc theo quy định của ngành thú y và phải ghi chép lại.

5.6. Sử dụng thuốc thú y: Tất cả các loại thuốc thú y, thuốc kháng sinh khi mua và sử dụng phải tuân thủ theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc chỉ dẫn của các bác sỹ thú y. Nên có nơi bảo quản thuốc riêng biệt.

5.7. Chất cấm: Không sử dụng các hóa chất, chất tạo nạc, chất kháng sinh... nằm trong danh mục cấm sử dụng trong chăn nuôi theo quy định của pháp luật.

5.8. Quản lý dịch bệnh: Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh, chủ cơ sở chăn nuôi phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y hoặc chính

quyền địa phương và tiến hành xử lý lợn bệnh theo sự chỉ đạo của chuyên môn thú y, đồng thời phải có ghi chép theo quy định.

### **6. Xuất bán lợn**

6.1. Chỉ xuất bán lợn khỏe mạnh, không bị bệnh; xuất bán lợn sau khi hết thời gian ngưng thuốc khuỷu cáo trên nhãn thuốc của nhà sản xuất.

6.2. Phải cung cấp đầy đủ hồ sơ, thông tin về nguồn gốc giống, tiêm phòng, tình hình điều trị bệnh... của tất cả các loại lợn khi xuất bán cho người mua.

6.3. Các phương tiện vận chuyển lợn cần đảm bảo mật độ thích hợp để hạn chế tối đa rủi ro, stress cho lợn và có biện pháp tránh rơi vãi chất thải trên đường trong quá trình vận chuyển.

6.4. Các hộ áp dụng VietGAHP cho chăn nuôi lợn an toàn cần thực hiện đeo thẻ tai nhận dạng hoặc xăm số cho lợn nái, lợn thịt để phục vụ truy xuất nguồn gốc từ cơ sở giết mổ khi xảy ra dịch bệnh hoặc rủi ro về an toàn thực phẩm.

6.5. Các hộ thực hiện quy trình VietGAHP nên tham gia vào chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm theo hướng dẫn an toàn thực phẩm

### **7. Quản lý chất thải và bảo vệ môi trường**

7.1. Hàng ngày cần thu gom chất thải rắn (phân, chất độn chuồng nếu có) đưa đến nơi tập trung để xử lý. Nếu phân và chất độn chuồng được xử lý bằng phương pháp ủ thì nên sử dụng thêm các chế phẩm sinh học để tăng hiệu quả xử lý và định kỳ phun thuốc khử trùng xung quanh hố ủ.

7.2. Các chất thải rắn khác như: kim tiêm, túi nhựa, đồ nhựa,... phải được thu gom và xử lý riêng.

7.3. Chất thải lỏng phải được dẫn trực tiếp từ chuồng nuôi tới hệ thống xử lý nước thải (biogas, bể lắng...) bằng đường thoát riêng. Nước thải sau khi xử lý phải đảm bảo an toàn trước khi xả ra môi trường.

7.4. Xác lợn chết do bệnh hoặc không rõ nguyên nhân cần được thu gom và xử lý theo đúng quy định của thú y. Tuyệt đối không bán lợn chết ra thị trường, và không được vớt xác lợn chết ra môi trường xung quanh.

### **8. Ghi chép, lưu trữ hồ sơ**

8.1. Phải có sổ ghi chép và ghi chép đầy đủ tất cả các hoạt động trong quá trình chăn nuôi (từ khâu nhập con giống, mua và sử dụng thức ăn, tình trạng sức khỏe, tiêm phòng, điều trị bệnh... và việc xuất bán sản phẩm cho từng lứa riêng biệt) theo quy định.

8.2. Hệ thống sổ sách ghi chép của chủ hộ phải rõ ràng và cần được lưu giữ ít nhất 01 năm kể từ ngày đàn lợn được xuất bán hay chuyển đi nơi khác./

# NHÀ NÔNG & DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

## TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 02 CỦA THÀNH ỦY GIAI ĐOẠN 2016-2020



UBND Thành phố Hà Nội vừa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình 02 của Thành ủy về “Phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân” giai đoạn 2016-2020.

Theo đó, mục tiêu đến năm 2020: Phấn đấu tăng trưởng sản xuất nông nghiệp bình quân từ 3,5 đến 4%, giá trị sản phẩm nông nghiệp thu hoạch trên 1ha đất nông nghiệp đạt 250 triệu đồng/ha. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới từ 347 xã trở lên; có 10 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90,1%; tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn làng văn hóa 62,0%; tỷ lệ chất thải được thu gom và xử lý đúng quy định đạt 100%; thu nhập bình quân dân cư nông thôn đạt 49 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt từ 70 đến 75%; tỷ lệ rác thải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam khu vực nông thôn 100%; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn còn dưới 1,4%; tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch tiêu chuẩn đô thị đạt 100%.

Về phát triển nông nghiệp, phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyên canh tập trung, ứng dụng khoa học kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất, bền vững và an toàn vệ sinh thực phẩm;

triển khai đồng bộ kế hoạch tái cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp; tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; đẩy mạnh cơ giới hóa, tự động hóa vào sản xuất, trọng tâm là sản xuất lúa chất lượng cao, rau an toàn, hoa, cây cảnh, cây ăn quả đặc sản; chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất giống, chăn nuôi bò thịt, bò sữa, nuôi thâm canh thủy sản... Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về nông nghiệp: Phấn đấu năm 2016, cơ bản hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho nông dân sau dồn điền đổi thửa. Ngăn ngừa, xử lý kịp thời, có hiệu quả các vi phạm về đất đai, công trình thủy lợi phục vụ phòng chống thiên tai. Rà soát, đánh giá, phân loại, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp. Tổ chức liên kết, hợp tác sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, tăng cường xúc tiến đầu tư, quảng bá sản phẩm nông nghiệp.

Hỗ trợ, hướng dẫn nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, liên kết đầu tư, mở rộng sản xuất để nâng cao thu nhập. Thực hiện đầy đủ các chính sách về an sinh xã hội đối với các gia đình chính sách, các hộ nghèo, cận nghèo khu vực nông thôn. Phấn đấu đến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1,5% theo tiêu chí mới. Hỗ trợ đầu tư xây dựng, nâng cấp các công trình y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, hạ tầng thông tin, giải trí, thư viện khu vực nông thôn để đáp ứng nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe, nâng cao mức hưởng thụ cho nông dân. Đặc biệt quan tâm đầu tư các công trình vui chơi cho trẻ em, các khu tập luyện, thể dục, thể thao cho nhân dân. Xây dựng làng văn hóa, cơ quan văn hóa; thực hiện việc cưới, việc tang, lễ hội văn minh, tiến bộ. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tôn vinh các giá trị văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.../.

**NT (TH)**

## QUẢN LÝ CHẶT CÁC TRẠI NUÔI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ HUNG DỮ

UBND Thành phố Hà Nội đã yêu cầu Sở Nông nghiệp & PTNT tăng cường quản lý các trại nuôi động vật hoang dã hung dữ.

UBND Thành phố nhận được công văn của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc tăng cường quản lý các trại nuôi động vật hoang dã hung dữ. Trong

đó có chỉ đạo, để ngăn chặn có hiệu quả những rủi ro trong hoạt động nuôi động vật hoang dã hung dữ, Bộ Nông nghiệp & PTNT đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo, thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý các trại nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng động vật hoang dã, trong đó tập trung tổ chức kiểm



ra, rà soát toàn bộ các cơ sở nuôi động vật hoang dã hung dữ trên địa bàn quản lý, đặc biệt là đối với những loài như voi, hổ, gấu, cá sấu, trăn, rắn, bao gồm những cơ sở là vườn thú, biểu diễn xiếc; kiên quyết thu hồi giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi và tịch thu cá thể động vật hoang dã hung dữ của những cơ sở không đảm bảo yêu cầu về an toàn, tiêu chuẩn chuồng trại theo quy định.

Quy hoạch về gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn, từng bước di dời các trại nuôi động vật hoang dã hung dữ ra khỏi khu dân cư và những nơi có nguy cơ mất an toàn cao. Thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, nuôi, mua, bán, vận chuyển, sử dụng trái phép động vật hoang dã. Ban hành quy định cụ thể về điều kiện nuôi các loài động vật hoang dã, trong đó có các biện pháp phòng ngừa rủi ro, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các quy định của pháp luật; chủ động ứng phó kịp thời với tình trạng động vật tấn công người hoặc thoát khỏi môi trường có kiểm soát.

Hướng dẫn và yêu cầu các chủ nuôi động vật hoang dã hung dữ xây dựng, thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người, trong đó có quy chế đảm bảo an toàn trong hoạt động chăn nuôi các loài hoang dã hung dữ để làm cơ sở kiểm tra và yêu cầu chủ trại, những người có liên quan thực hiện. Triển khai các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và phòng ngừa dịch bệnh.

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các quy định của pháp luật trong quản lý và gây nuôi động vật hoang dã; nâng cao nhận thức về nguy cơ và các biện pháp đảm bảo an toàn trong chăn nuôi các loài động vật hung dữ. Vận động chủ nuôi không nuôi nhốt và chuyển giao các cá thể động vật hoang dã nguy cấp quý hiếm, nhóm IB, đặc biệt là các loại hung dữ về Trung tâm Cứu hộ, cơ sở nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường vì mục đích bảo tồn nghiên cứu khoa học, đào tạo hoặc tổ chức tiêu hủy nếu động vật bị ốm, mang mầm bệnh không có khả năng nuôi dưỡng lâu dài./.

**NT (Theo Chinhphu.vn)**

## **QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ, XẾP HẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ ATTP NÔNG, LÂM, THỦY SẢN TẠI CÁC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

UBND Thành phố vừa ban hành Quyết định số 2780/QĐ-UBND ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, xếp hạng công tác quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản tại các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Trên cơ sở Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá xếp hạng công tác quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản tại các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội, UBND Thành phố đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho UBND các quận, huyện, thị xã và Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội.

Theo đó, căn cứ Bộ tiêu chí quy định tại phụ lục của Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND Thành phố, hàng năm, UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức tự đánh giá, chấm điểm công tác quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản của quận, huyện, thị xã trên địa bàn và gửi hồ sơ về Sở Nông nghiệp & PTNT (qua Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm

sản và thủy sản) trước ngày 05/12 hàng năm.

Về phía Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội: Thực hiện phổ biến và hướng dẫn UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Quyết định Quyết định số 2780/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND Thành phố tại quận, huyện, thị xã; tiếp nhận hồ sơ, báo cáo của các quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố; ra quyết định thành lập Hội đồng, tổ chức Hội đồng thẩm định và chậm nhất ngày 30 của tháng 01 năm tiếp theo có văn bản trình UBND Thành phố phê duyệt kết quả xếp hạng của quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội trong công tác quản lý an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản; tổ chức đoàn công tác đi kiểm tra thực tế kết quả tự đánh giá, chấm điểm của quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố Hà Nội về công tác an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản (nếu cần thiết)/.

**Nguyễn Thu Phương**

## **GIÁM SÁT CHUỖI SẢN XUẤT TÔM BẢO ĐẢM AN TOÀN DỊCH BỆNH PHỤC VỤ XUẤT KHẨU**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vừa ban hành Kế hoạch giám sát chuỗi sản xuất tôm bảo đảm an toàn dịch bệnh phục vụ xuất khẩu.

Mục tiêu đặt ra là xây dựng thành công các cơ sở nuôi tôm có chuỗi sản xuất được chứng nhận an toàn dịch bệnh theo quy định của Tổ chức Thú y thế

giới (OIE) và theo yêu cầu của nước nhập khẩu để có thể xuất khẩu tôm nguyên con và các sản phẩm tôm của Việt Nam đi các nước trên thế giới.

Theo Kế hoạch, phần đầu kết thúc năm 2017, có ít nhất 10% số cơ sở sản xuất tôm giống có quy mô sản xuất mỗi năm trên 1 tỷ tôm đăng ký

chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

Các doanh nghiệp đầu tư, xây dựng thành công và được chứng nhận là các cơ sở nuôi tôm có chuỗi sản xuất bảo đảm an toàn dịch bệnh theo quy định của Thông tư 14 và của OIE; phần đầu trong năm 2017, có ít nhất 1 doanh nghiệp là cơ sở nuôi tôm có chuỗi sản xuất bảo đảm an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn của OIE để có thể xuất khẩu tôm nguyên con và các sản phẩm tôm đi các nước.

Để thực hiện Kế hoạch, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu Tổng cục Thủy sản chỉ đạo kiểm soát chất lượng con giống tại các vùng sản xuất giống tập trung. Chỉ đạo tăng cường kiểm soát chất lượng, giá cả vật tư đầu vào trong nuôi trồng

thủy sản; kiểm soát tốt việc sử dụng thuốc, hóa chất, kháng sinh trong nuôi tôm tránh lạm dụng và tồn dư nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm đồng thời tuyên truyền rộng rãi đến người nuôi để thực hiện.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trọng điểm về sản xuất tôm giống, nuôi tôm thương phẩm có nhiệm vụ chỉ đạo các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch chi tiết cho địa phương và trình UBND cấp tỉnh phê duyệt, bố trí đủ kinh phí để triển khai thực hiện (bao gồm cả kinh phí chi trả cho cán bộ ấp, xã, thú y xã trong việc thu thập thông tin, thống kê và báo cáo về tình hình nuôi, dịch bệnh, kinh phí mua hóa chất, sản phẩm vi sinh để xử lý các ao nuôi cho kết quả giám sát dương tính và xử lý khi có dịch bệnh tại vùng đệm)./.

**TX (TH)**

## **CHỦ ĐỘNG PHÒNG TRỪ CHUỘT HẠI CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG NĂM 2016**

Theo số liệu báo cáo tiến độ của các quận, huyện, thị xã tính đến ngày 10/10/2016 diện tích gieo trồng cây vụ đông 2016 đạt khoảng 22.000 ha, thời gian tới nhóm cây trồng ưa lạnh (khoai tây, rau thực phẩm) tiếp tục được gieo trồng.

Chuột là đối tượng dịch hại nguy hiểm đối với sản xuất nông nghiệp. Thời điểm hiện tại đang là đầu vụ đông, nơi cư trú và thức ăn của chuột bị thu hẹp, đây là thời điểm diệt chuột hiệu quả. Để hạn chế tác hại của chuột trên cây trồng vụ đông, Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội đề nghị UBND các quận, huyện, thị xã: Chỉ đạo các địa phương tăng cường thông tin tuyên truyền về tác hại và các biện pháp diệt chuột an toàn, hiệu quả; Tổ chức diệt chuột đầu vụ bằng các biện pháp thủ công như dùng bẫy bán nguyệt, đào bắt...; Tổ chức diệt chuột tập trung từ 20 - 30/10/2016 khi cây trồng vụ đông bắt đầu giai đoạn phát triển thân lá. Sau thời gian tổ chức chiến dịch diệt chuột tập trung, tiếp tục kiểm tra và tổ chức diệt chuột bằng các biện pháp thủ công ở những nơi chuột còn gây hại.

Đồng thời yêu cầu Chi cục Bảo vệ thực vật: Tổ chức công tác tuyên truyền; hướng dẫn, tập huấn nông dân về các biện pháp diệt trừ chuột bảo vệ mùa màng theo hướng dẫn tại công văn 2475/BVTV-TV ngày 11/12/2014; Chỉ đạo các trạm BVTV, nhân viên kỹ thuật trồng trọt – bảo vệ thực vật cấp xã chủ động phối hợp với địa phương tổ chức chiến dịch diệt chuột an toàn, hiệu quả; Tăng cường thanh, kiểm tra việc kinh doanh thuốc BVTV, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm theo quy định. Trung tâm Khuyến nông: Tăng cường tuyên truyền các biện pháp phòng trừ chuột an toàn, hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thanh tra Sở: Tăng cường công tác thanh, kiểm tra việc kinh doanh thuốc BVTV, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm quy định về quản lý thuốc BVTV trên địa bàn. Nghiêm cấm việc sử dụng thuốc diệt chuột ngoài danh mục, thuốc cấm sử dụng và các biện pháp diệt chuột gây nguy hiểm cho người và vật nuôi./.

**Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội**

## **PHÁT ĐỘNG THÁNG VỆ SINH, TIÊU ĐỘC KHỬ TRÙNG MÔI TRƯỜNG ĐỢT 2**

Để chủ động ngăn chặn dịch bệnh gia súc, gia cầm phát sinh, lây lan, bảo đảm an toàn thực phẩm đẩy mạnh xuất khẩu, Bộ Nông nghiệp & PTNT vừa phát động "tháng vệ sinh, tiêu độc khử trùng môi trường đợt 2 năm 2016" trên toàn quốc nhằm chủ động tiêu diệt mầm bệnh. Theo đó, từ ngày 1/11 đến 30/11 các địa phương đồng loạt ra quân tổ chức phun thuốc sát trùng cho khu vực chăn nuôi hộ gia đình, chợ buôn bán động vật sống ở nông thôn, nơi công cộng, đường làng, ngõ xóm, khu nhất giữ

động vật, sản phẩm động vật. Tại cửa khẩu biên giới, cơ quan kiểm dịch động vật phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng làm nhiệm vụ tại cửa khẩu bố trí hố sát trùng và thực hiện vệ sinh tiêu độc, khử trùng các phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật qua cửa khẩu...nhằm kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh, đảm bảo ổn định và phát triển chăn nuôi./.

**NB (Theo HNM)**

## BA VÌ CÔNG BỐ NHÃN HIỆU “MIẾN DONG MINH HỒNG”

Vừa qua, UBND huyện Ba Vì đã công bố nhãn hiệu “Miến dong Minh Hồng”. Thôn Minh Hồng, xã Minh Quang, huyện Ba Vì là nơi có nghề làm miến nổi tiếng từ lâu đời. Toàn thôn có 289 gia đình thì có tới 175 hộ với 162 máy chế biến tinh bột dong giềng và lấy nghề này làm nguồn thu nhập chính. Sản lượng tinh bột dong giềng của thôn chế biến được trong mỗi ngày khoảng 48.600kg. Trong thôn có 7 hộ chuyên sản xuất miến dong, mỗi ngày chế biến được khoảng 2,5 tấn miến, giải quyết việc làm cho 70 lao động. “Miến dong Minh Hồng” ngon và dai mà ít địa phương khác có. Đặc biệt, 100% tinh bột làm miến là do người dân tự xay phục vụ cho sản xuất miến, đồng thời còn được xuất bán đi các địa

phương khác như Hưng Yên, Ninh Bình, Hải Dương, Hà Nam, Đà Nẵng, Thái Bình...

Từ năm 2014, được sự hỗ trợ của các cấp, ngành thành phố, huyện Ba Vì đã tiến hành xây dựng nhãn hiệu tập thể “Miến dong Minh Hồng”. Đến ngày 12/4/2016, sản phẩm này đã được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ KH&CN) cấp giấy chứng nhận. Việc được công nhận nhãn hiệu tập thể sản phẩm miến dong Minh Hồng sẽ góp phần thúc đẩy sản xuất và nâng cao vị thế của sản phẩm trên thị trường. Qua đó, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, cũng như góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Ba Vì./.

**Hồng Đạt**

## HỎI ĐÁP KỸ THUẬT

**Nhà nông hỏi: Phòng bệnh tai xanh như thế nào để bệnh không xảy ra?**

**Nhà khoa học trả lời:**

Công tác phòng bệnh tai xanh đã được các cấp quản lý tuyên truyền phổ biến rộng rãi, ở đây chúng tôi tóm tắt các việc phải làm như sau:

- Không bán chạy lợn ốm hoặc mua lợn ốm về thịt.
- Không tham quan cơ sở chăn nuôi lợn khác và cũng không cho người khác đến thăm khu chăn nuôi của nhà mình.
- Phải thường xuyên làm vệ sinh, tiêu độc, khử trùng.
- Phải chủ động tiêm vắc xin phòng bệnh.
- + Vắc xin thường dùng hiện nay trên thị trường có nhiều loại. Trong đó vắc xin của Trung Quốc tỏ ra tốt nhất, đây là vắc xin sống, nhược độc chứa chủng vi rút JXA1-R được nhập khẩu từ Trung Quốc.
- + Vắc xin này tiêm lần đầu cho lợn con đạt 15 ngày tuổi, sau 30 ngày tiêm nhắc lại (liều tiêm 2ml/con).
- + Heo nái và lợn đực giống phải tiêm 30 ngày trước khi phối giống 1 liều 2ml/con.
- + Lợn chữa phải được tiêm 1 liều/con trước khi đẻ 15-21 ngày.

**Nhà nông hỏi: Xin nhà khoa học cho biết tác hại, triệu chứng và phương pháp tẩy trừ bệnh giun đũa ở lợn?**

**Nhà khoa học trả lời:**

**Nguyên nhân và cơ chế gây bệnh:**

Bệnh do giun đũa gây ra. Lợn bị nhiễm giun đũa qua đường miệng-thức ăn và nước uống bị nhiễm

ấu trùng giun. Vào đến ruột ấu trùng chui ra khỏi vỏ trứng và di hành bắt buộc từ ruột đến gan qua đường lymphô, từ gan theo đường máu đến tâm thất trái, sang tâm thất phải của tim, từ đó chúng đến phổi và làm rách các mao quản và rơi vào các phế quản, phế nang của phổi. Tại phổi, chúng cư trú khoảng 2 tuần rồi tự lột xác 2 lần liên tiếp để lớn lên về kích thước. Từ đây, chúng bò theo đường phế quản, khí quản đến vùng họng, sau đó chúng được lợn nuốt ngược về dạ dày rồi ký sinh trong ruột non ít nhất từ 2-2,5 tháng. Tại đây, chúng hút chất dinh dưỡng của lợn để tự nuôi cơ thể, tiếp tục quá trình sinh trưởng và phát triển, hình thành 2 nhóm cái và đực có khả năng giao phối duy trì nòi giống và gây bệnh cho lợn tối thiểu 10 tháng trong đường ruột.

Giun đũa gây bệnh cho lợn bằng 3 phương thức:

- Chúng hút hết chất dinh dưỡng của lợn làm cho lợn bị thiếu chất, còi cọc...
- Chúng bám vào ruột gây viêm ruột.
- Chúng phá vỡ cấu trúc và chức năng của các cơ quan trên đường di chuyển, gây hại đến sức khỏe của lợn.

**Biểu hiện lâm sàng bệnh do giun đũa:**

- Bệnh thường xảy ra ở lợn từ 2-10 tháng tuổi.
- Trong thời gian giun mới nở và di hành từ ruột-gan-tim-phổi thì các biểu hiện không rõ ràng, thỉnh thoảng lợn ho kèm theo tiếng khò khè, thân nhiệt tăng nhẹ 40-40,50C, giảm ăn. Sau 10-15 ngày thấy lợn chậm lớn, thân nhiệt bình thường nhưng lại có

một số con chết, sau đó đàn bệnh trở lại ăn uống bình thường nhưng chậm lớn.

- Trong giai đoạn di hành ngược từ phổi lên họng rồi trở về ruột thì bệnh có các biểu hiện phụ thuộc vào số lượng giun: Đa phần lợn vẫn ăn uống bình thường nhưng chúng ăn không đều, con ăn nhiều, con ăn ít và đào bới nền chuồng. Lợn mắc nhiều giun chậm lớn trông thấy, lông xù, da nhẵn kém bóng mượt. Lợn bệnh lúc bị táo bón, lúc phân lỏng. Bụng to sệ. Nếu giun chui ngược lên dạ dày lợn sẽ bị nôn hoặc có phản xạ nôn, đôi khi nôn ra cả giun. Nếu chúng chui lên gan theo đường dẫn mật, ống tụy thì lợn bị đau bụng, khó chịu, đứng cong lưng hoặc đi lại vô hướng, chúng nghiến răng, thậm chí co giật. Cơ động kinh này kéo dài 3-5 phút sau đó

chúng trở lại bình thường hoặc rơi vào trạng thái mệt mỏi, nằm ly bì. Niêm mạc miệng, mắt nhợt nhạt do thiếu máu hoặc hơi vàng do viêm gan. Nếu giun làm tắc ruột hoặc thủng ruột sẽ gây viêm phúc mạc cấp hoặc bụng trương to, lợn ngừng đại tiện và bị chết ít giờ sau đó.

Điều trị:

Dùng Leva 20 trộn thức ăn hoặc pha nước uống với liều 18-36 mg hoạt chất cho 1kg thể trọng dùng 1 lần duy nhất. Tức là 100g Leva 20 dùng cho 500kg-1000kg. Nếu môi trường ô nhiễm nặng, ta có thể dùng nhắc lại sau 7 ngày, hoặc tiêm thuốc Levamisol 7,5%, tiêm bắp 1ml/10kg thể trọng/lần duy nhất./

**NT (TH)**

## **GUƠNG SẢN XUẤT ĐIỂN HÌNH:**

### **LÀM GIÀU TỪ TRỒNG CHÈ THEO HƯỚNG VIETGAP**

Anh Nguyễn Quang Huy (thôn Phúc Xuân, xã Bắc Sơn, huyện Sóc Sơn) đã tiên phong áp dụng quy trình trồng chè VietGAP tại địa phương và đã thành công khi trở thành một trong số 63 nông dân tiêu biểu toàn quốc năm 2016.

Năm 2001, anh Huy bắt đầu chuyển sang chuyên canh cây chè - thứ cây đặc trưng của vùng đồi gò Bắc Sơn. 10 năm cật lực với chè, song do quy trình canh tác còn tự phát nên năng suất cũng chỉ đạt 600kg/ha/tháng, sản phẩm lại chưa có thương hiệu nên giá bán chỉ dao động từ 70.000 – 100.000 đồng/kg, thấp hơn nhiều so với các loại chè khác. Mãi tới năm 2011, được tập huấn về mô hình sản xuất chè theo tiêu chuẩn VietGAP, anh Huy đã mạnh dạn chuyển đổi một nửa diện tích chè đang có sang phương thức sản xuất mới. Khó khăn cũng chất chồng khi là người tiên phong ứng dụng mô hình mới, từ lo cây giống, vốn liếng tới kỹ thuật chăm sóc, chế biến và tìm kiếm thị trường tiêu thụ. Được hỗ trợ vay vốn 100 triệu đồng từ Quỹ hỗ trợ nông dân và Quỹ tín dụng địa phương, cộng với số tiền tích cóp được, anh đã "bắt tay" với chè sạch VietGAP.

Để có được sản phẩm có chất lượng, đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe, anh phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình chăm sóc như thời gian cách ly thuốc bảo vệ thực vật, phòng ngừa sâu bệnh,

bón phân, kiểm soát các chỉ số an toàn trong đất, nước tưới, thời gian thu hái, sao chè... Định kỳ sẽ có chuyên gia về lấy mẫu đất, nước và mẫu chè xét nghiệm các thông số an toàn. Những nỗ lực của anh Huy đã được đền đáp, khi cuối năm 2012, sản phẩm chè sạch của anh đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn VietGAP.

Hiện nay, với 1ha đã chuyển đổi sang mô hình sản xuất mới, mỗi tháng, anh thu được khoảng 750kg chè tươi (tương đương 150kg chè khô). Nhờ sản xuất theo quy trình mới, sản phẩm chè đạt chất lượng cao nên giá bán cũng theo đó được nâng lên, dao động từ 200.000 – 300.000 đồng/kg tùy thời điểm. Anh Huy đã có tích lũy tài chính, tự trang bị được các thiết bị như máy sao chè, máy hút chân không và có một trang web riêng để giao dịch, quảng bá sản phẩm.

Năm 2014, sản phẩm chè VietGAP của anh đã được Giải Bạc trong Festival chè Thái Nguyên. Và hơn tất cả là sau khi thấy được hiệu quả từ mô hình này, nhiều hộ gia đình trong và ngoài xã Bắc Sơn đã tìm đến học tập kinh nghiệm. Đến nay, chỉ riêng trên địa bàn xã đã có tới 40ha chè trồng theo quy trình VietGAP và kinh tế các hộ đều được cải thiện rõ rệt./

**TX (Theo KTĐT)**



Đối với mặt hàng lương thực: Hiện nay nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng lúa gạo giữ ổn định trong khi nguồn cung lại tăng nên giá bán lẻ các mặt hàng này không có sự biến động. Gạo bắc thơm phổ biến ở mức 13.500 - 14.000 đ/kg, gạo Xi dèo giá dao động từ 11.000 – 12.000 đ/kg; gạo Hải Hậu có giá từ 15.000 - 16.000 đ/kg, Đối với một số mặt hàng lúa giá đã giảm nhẹ khi các tỉnh miền Bắc đã thu hoạch xong diện tích lúa, lúa Khang dân giá từ 6.000 – 6.500 đ/kg (giảm khoảng 500 – 1.000 đ/kg so với thời điểm tháng trước). Trên thị trường giá bán các mặt đậu, đỗ cũng giữ ổn định trong khi nhu cầu tiêu dùng của người dân đã giảm mạnh, đậu đen có giá từ 42.000 – 48.000 đ/kg, giá đậu xanh (có vỏ) có giá từ 40.000 – 45.000 đ/kg, lạc nhân giá 48.000 – 55.000 đ/kg.

Đối với các mặt hàng thực phẩm: Bằng những biện pháp như tái đàn và áp dụng kỹ thuật nghiêm ngặt, tuân thủ tốt việc phòng bệnh của người chăn nuôi nên thị trường thực phẩm của thành phố thời gian qua luôn được duy trì ổn định. Giá lợn hơi xuất chuồng tại các trại chăn nuôi dao động quanh mức 47.000 – 52.000 đ/kg (tùy theo khu vực), thịt lợn ba chỉ và thịt mỡ sẵn bán lẻ tại các chợ giá vẫn phổ biến từ 80.000 - 90.000đ/kg; xương sườn có giá từ 90.000 – 100.000đ/kg, thịt bò giữ ở mức 220.000 - 250.000 đ/kg; đối với sản phẩm gia cầm như gà ta hơi giá bán đã tăng nhẹ khoảng 2.000 đ/kg do đang là cao điểm mùa cưới nhu cầu tiêu dùng mặt hàng này tăng cao giá dao động từ 100.000 – 120.000 đ/kg, bên cạnh đó giá vịt hơi lại giảm nhẹ so với

thời điểm tháng trước khoảng 1.000 đ/kg do nguồn cung đã tăng; giá bán lẻ tại các chợ phổ biến từ 45.000 – 50.000 đ/kg. Các mặt hàng cá trắm giá 6000 – 6500 đ/kg, cá rô phi giá từ 40.000 – 45.000 đ/kg, cá chép giá từ 55.000 – 65.000 đ/kg, cua đồng giá giảm xuống mức 110.000 – 150.000 đ/kg, ngao có giá từ 18.000 - 20.000 đ/kg.

Đối với các mặt hàng rau, củ, quả: Thời tiết đang khá thuận lợi cho cây rau mùa phát triển trong khi đó diện tích trồng rau của thành phố luôn được duy trì và mở rộng vì thế thị trường rau xanh cũng khá phong phú, giá bán các mặt hàng rau xanh tại các chợ cũng ổn định. Rau cải ngọt giá từ 3.000 – 5.000 đ/mớ (giảm khoảng 1.000 đ/mớ so với thời điểm đầu tháng), rau ngót, rau muống có giá từ 4.000 – 6.000 đ/mớ, mướp hương, rau bắp cải có giá từ 12.000 – 15.000 đ/kg, một số loại rau đầu mùa như: Su hào có giá cao từ 6.000 – 9.000 đ/củ, cà chua giá vẫn phổ biến từ 15.000 – 20.000 đ/kg. Giá bán các mặt hàng trái cây giữ ổn định, dưa hấu dao động từ 15.000 – 18.000 đ/kg, xoài, hồng ngâm có giá từ 35.000 – 40.000 đ/kg, bưởi năm roi giá từ 20.000 – 25.000 đ/quả, cam Cao Phong giá 45.000 – 50.000 đ/kg, ổi giá 15.000 – 25.000 đ/kg.

Về vật tư nông nghiệp: Nhu cầu sử dụng phân bón cho chăn sóc cây trồng vụ đông đã tăng song nhờ nguồn cung ổn định nên giá bán các mặt hàng phân bón không đổi. Đạm urê ngoại có giá từ 8.500 - 11.000 đ/kg, NPK Văn Điển 5.10.3 giá bán 4.500 - 5.000 đ/kg, Kali giá 10.000 - 12.000 đ/kg.

**NB (TH)**

## \* Thị trường thế giới

### PHILIPPINES SẼ MUA THÊM HƠN 293.000 TẤN GẠO TỪ VIỆT NAM

Theo thông tin từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), các doanh nghiệp Philippines đã được Cơ quan Lương thực nước này cho phép nhập khẩu 293.100 tấn gạo từ Việt Nam để đảm bảo nhu cầu lương thực cho mùa giáp hạt năm 2017.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Philippines cũng được nhập khẩu số lượng tương tự từ Thái Lan; nhập 50.000 tấn gạo từ Trung Quốc, Ấn Độ và Pakistan; 15.000 tấn từ Australia; 4.000 tấn từ El Salvador và 50.000 tấn từ các nước khác.

Tổng cộng số lượng các doanh nghiệp Philippines được cấp phép nhập khẩu 805.200 tấn gạo.

Thời điểm các doanh nghiệp Philippines phải giao hàng là trước ngày 28/02/2017.

Ông Huỳnh Thế Năng, Chủ tịch VFA cho biết, mặc dù lượng nhu cầu này từ Philippines là không nhiều nhưng đây là cơ hội để các doanh nghiệp

trong nước thúc đẩy tình hình tiêu thụ lúa gạo đang hết sức ảm đạm hiện nay.

Tuy nhiên, thông tin này mới được phía Philippines công bố, chưa giao chỉ tiêu cụ thể nên các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa tiếp cận được.

Trước đó, vào cuối tháng 8/2016, Việt Nam cũng đã trúng thầu cung cấp 150.000 tấn gạo loại 25% tằm cho Philippines với mức giá khá tốt 424,85 USD/tấn.

Việc trúng thầu này đã không tác động đến thị trường lúa gạo trong nước, do lượng gạo trúng thầu quá nhỏ so với nguồn cung dự trữ hiện tại.

Theo dự báo của các chuyên gia, xuất khẩu gạo vẫn tiếp tục khó khăn trong 3 tháng cuối năm, do nguồn cung gạo vẫn lấn át triển vọng nhu cầu gạo trên thị trường./.

**TX (Theo TTXVN)**

# GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

## GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN - VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỖI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 17 tháng 10 năm 2016

(ĐVT: đ/kg)

| TT | Mặt hàng và quy cách               | Loại   | Chợ Yên-Mê Linh | Chợ Hà Đông | Chợ Nghệ-Sơn-Tây | Chợ Văn Đình-Ứng Hoà | Chợ Phùng Đan Phượng | Chợ Vôi-Thường Tín | Chợ Cầu Diễn-Nam Từ Liêm | Chợ Ngọc Lâm-Long Biên | Chợ Tô-Đông Anh | Chợ Tả Thanh Oai - Thanh Trì |
|----|------------------------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|------------------------|-----------------|------------------------------|
| 1  | Lúa Khang Dân                      | loại 1 | 7.000           | 7.000       | 6.500            | 6.800                |                      | 5.800              | 7.000                    |                        | 7.000           | 7.000                        |
| 2  | Gạo Khang Dân                      | loại 1 | 10.000          | 11.000      | 10.000           | 11.500               | 11.000               | 10.000             | 11.000                   | 12.000                 | 11.000          | 11.000                       |
| 3  | Gạo bắc thơm                       | loại 1 | 15.000          | 15.500      | 13.500           | 15.000               | 15.000               | 13.500             | 17.000                   | 16.000                 | 15.500          | 16.000                       |
| 4  | Gạo Xi dèo                         | loại 1 | 13.000          | 13.000      | 12.000           | 12.000               | 12.000               | 11.000             | 12.000                   | 14.000                 | 12.000          | 13.000                       |
| 5  | Gạo Điện Biên                      | loại 1 | 15.000          | 16.000      | 16.000           | 14.000               |                      |                    | 18.000                   | 17.000                 | 17.000          | 17.000                       |
| 6  | Gạo Hải Hậu                        | loại 1 | 18.000          | 17.500      | 15.000           | 15.000               |                      | 15.000             | 16.000                   | 18.000                 | 18.000          | 15.000                       |
| 7  | Gạo tám Thái                       | loại 1 | 20.000          | 21.000      | 18.000           | 15.000               | 22.000               | 17.000             | 18.500                   | 20.000                 | 22.000          | 21.000                       |
| 8  | Gạo nếp cái hoa vàng               | loại 1 | 23.000          | 25.000      | 25.000           | 25.000               | 25.000               | 20.000             |                          | 27.000                 | 25.500          | 28.000                       |
| 9  | Gạo nếp cẩm                        | loại 1 | 38.000          | 34.000      |                  | 30.000               | 30.000               | 25.000             | 35.000                   | 35.000                 | 35.000          | 36.000                       |
| 10 | Đậu tương                          | loại 1 | 35.000          | 25.000      |                  | 22.000               | 20.000               | 20.000             | 25.000                   | 25.000                 | 27.000          | 25.000                       |
| 11 | Đậu xanh có vỏ                     | loại 1 | 42.000          | 48.000      | 42.000           | 48.000               | 45.000               | 40.000             | 45.000                   | 45.000                 | 40.000          | 45.000                       |
| 12 | Lạc nhân                           | loại 1 | 48.000          | 50.000      | 45.000           | 55.000               | 50.000               | 48.000             | 50.000                   | 47.000                 | 55.000          | 60.000                       |
| 13 | Đậu đen                            | loại 1 | 45.000          | 48.000      | 40.000           | 46.000               | 45.000               | 40.000             | 60.000                   | 50.000                 | 45.000          | 45.000                       |
| 14 | Đạm urê ngoại                      | loại 1 | 10.000          | 11.500      | 9.000            | 8.200                | 10.000               | 10.000             | 9.000                    | 11.000                 | 11.500          | 11.000                       |
| 15 | NPK 5.10.3 Văn Điển (giá tại Đ lý) | loại 1 | 5.000           | 5.500       | 5.000            | 4.100                | 4.000                | 5.000              | 4.500                    | 5.500                  | 4.800           | 5.000                        |
| 16 | Kali                               | loại 1 | 10.500          | 12.000      | 9.500            | 10.500               | 10.000               | 11.000             | 9.000                    | 12.000                 | 12.000          | 12.000                       |
| 17 | Lân Văn Điển                       | loại 1 | 4.000           | 4.200       | 4.000            | 3.800                | 3.500                | 4.500              | 4.000                    | 4.500                  | 4.000           | 4.000                        |

# GIÁ CÁC MẶT HÀNG THỰC PHẨM TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỐI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 17 tháng 10 năm 2016

(ĐVT: đ/kg)

| TT | Mặt hàng và quy cách        | Loại   | Chợ Yên-Mê Linh | Chợ Hà Đông | Chợ Nghệ-Sơn Tây | Chợ Vân Đình-Ứng Hoà | Chợ Phùng Đan Phượng | Chợ Voi-Thường Tín | Chợ Cầu Diễn-Nam Từ Liêm | Chợ Ngọc Lâm-Lòng Biên | Chợ Tô-Đông Anh | Chợ Tả Thanh Oai - Thanh Trì |
|----|-----------------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|------------------------|-----------------|------------------------------|
| 1  | Thịt lợn hơi (lợn siêu nạc) | loại 1 | 50.000          | 52.000      | 46.000           | 46.000               | 50.000               | 52.000             |                          | 55.000                 |                 | 50.000                       |
| 2  | Thịt lợn mỡ sấn             | loại 1 | 80.000          | 90.000      | 80.000           | 85.000               | 85.000               | 86.000             | 90.000                   | 80.000                 | 90.000          | 90.000                       |
| 3  | Thịt lợn nạc thăn           | loại 1 | 95.000          | 100.000     | 90.000           | 100.000              | 95.000               | 90.000             | 100.000                  | 95.000                 | 95.000          | 100.000                      |
| 4  | Thịt lợn ba chỉ             | loại 1 | 95.000          | 90.000      | 90.000           | 90.000               | 90.000               | 90.000             | 95.000                   | 85.000                 | 90.000          | 90.000                       |
| 5  | Thịt bò thăn                | loại 1 | 260.000         | 275.000     | 250.000          | 250.000              | 280.000              | 240.000            | 230.000                  | 250.000                | 270.000         | 260.000                      |
| 6  | Thịt bò mỡ                  | loại 1 | 250.000         | 255.000     | 240.000          | 240.000              | 250.000              | 220.000            | 250.000                  | 240.000                | 260.000         | 230.000                      |
| 7  | Gà ta hơi                   | loại 1 | 85.000          | 120.000     | 85.000           | 100.000              | 120.000              | 110.000            | 160.000                  | 120.000                | 110.000         | 120.000                      |
| 8  | Gà ta nguyên con làm sẵn    | loại 1 | 100.000         | 150.000     | 110.000          | 140.000              | 150.000              | 160.000            | 210.000                  | 130.000                | 130.000         | 140.000                      |
| 9  | Gà công nghiệp hơi          | loại 1 |                 | 50.000      |                  | 40.000               | 42.000               | 40.000             | 55.000                   |                        | 50.000          | 55.000                       |
| 10 | Gà CN nguyên con làm sẵn    | loại 1 | 50.000          | 65.000      | 60.000           | 59.000               | 65.000               | 56.000             | 90.000                   | 65.000                 | 65.000          | 65.000                       |
| 11 | Vịt hơi                     | loại 1 | 40.000          | 55.000      | 37.000           | 44.000               | 53.000               | 42.000             | 55.000                   | 50.000                 | 55.000          | 55.000                       |
| 12 | Vịt nguyên con làm sẵn      | loại 1 | 55.000          | 70.000      | 62.000           | 65.000               | 80.000               | 62.000             | 85.000                   | 60.000                 | 80.000          | 70.000                       |
| 13 | Ngan hơi                    | loại 1 | 57.000          | 60.000      | 50.000           | 65.000               | 65.000               | 58.000             | 70.000                   | 60.000                 | 65.000          | 65.000                       |
| 14 | Ngan nguyên con làm sẵn     | loại 1 | 67.000          | 80.000      | 70.000           | 75.000               | 100.000              | 75.000             | 90.000                   | 70.000                 | 85.000          | 85.000                       |
| 15 | Cá chép > 1kg               | loại 1 | 65.000          | 65.000      | 55.000           | 60.000               | 80.000               | 65.000             | 75.000                   | 60.000                 | 65.000          | 58.000                       |
| 16 | Cá trắm > 2kg               | loại 1 | 70.000          | 70.000      | 50.000           | 62.000               | 80.000               | 62.000             | 80.000                   | 100.000                |                 | 65.000                       |
| 17 | Cá quả                      | loại 1 | 85.000          | 120.000     | 70.000           | 130.000              | 120.000              | 120.000            | 100.000                  | 120.000                | 120.000         | 120.000                      |
| 18 | Ngao                        | loại 1 | 20.000          | 22.000      | 18.000           | 18.000               | 20.000               | 15.000             | 22.000                   | 18.000                 | 20.000          | 20.000                       |
| 19 | Tôm sú                      | loại 1 | 260.000         | 400.000     | 400.000          | 340.000              | 550.000              | 380.000            | 380.000                  | 480.000                | 350.000         | 420.000                      |
| 20 | Tôm đồng                    | loại 1 | 150.000         | 200.000     | 200.000          | 160.000              | 200.000              | 170.000            | 180.000                  | 180.000                | 220.000         | 180.000                      |

# GIÁ CÁC MẶT HÀNG HOA, RAU, CỦ QUẢ TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MŨI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ngày 17 tháng 10 năm 2016

(ĐVT: đ/kg)

| TT | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Chợ Yên-Mê Linh | Chợ Hà Đông | Chợ Nghệ-Sơn-Tây | Chợ Vân Đình-Ứng Hoà | Chợ Phùng Đan Phượng | Chợ Vôi-Thường Tín | Chợ Cầu Diễn-Nam Từ Liêm | Chợ Ngọc Lâm-Long Biên | Chợ Tô-Đông Anh | Chợ Tả Thanh Oai - Thanh Trì |
|----|----------------------|--------|-----------------|-------------|------------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------------|------------------------|-----------------|------------------------------|
| 1  | Cam sành Miền Nam    | loại 1 | 45.000          | 55.000      | 55.000           | 45.000               | 55.000               | 55.000             | 35.000                   | 50.000                 | 45.000          | 45.000                       |
| 2  | Dưa hấu Miền Nam     | loại 1 | 20.000          | 18.000      | 16.000           | 18.000               | 17.000               | 15.000             | 15.000                   | 18.000                 | 20.000          | 17.000                       |
| 3  | Quýt Sài Gòn         | loại 1 | 35.000          | 55.000      | 45.000           | 50.000               | 50.000               | 45.000             | 35.000                   | 50.000                 | 40.000          | 40.000                       |
| 4  | Hồng Ngâm            | loại 1 | 28.000          | 35.000      | 30.000           | 30.000               | 35.000               | 30.000             | 35.000                   |                        | 30.000          | 30.000                       |
| 5  | Xoài                 | loại 1 | 30.000          | 40.000      | 35.000           | 35.000               | 38.000               | 35.000             | 35.000                   | 35.000                 | 35.000          | 35.000                       |
| 6  | Đu đủ                | loại 1 | 15.000          | 22.000      | 20.000           | 18.000               | 25.000               | 20.000             | 20.000                   | 20.000                 | 22.000          | 18.000                       |
| 7  | Lựu                  | loại 1 | 18.000          | 25.000      | 25.000           | 20.000               | 25.000               | 18.000             | 20.000                   |                        | 18.000          | 27.000                       |
| 8  | Bưởi năm roi         | loại 1 | 20.000          | 35.000      | 25.000           | 25.000               | 30.000               | 40.000             | 35.000                   |                        | 25.000          | 20.000                       |
| 9  | Ổi                   | loại 1 | 20.000          | 25.000      | 18.000           | 20.000               | 20.000               | 20.000             | 25.000                   | 25.000                 | 20.000          | 25.000                       |
| 10 | Thanh long           | loại 1 | 28.000          | 30.000      | 25.000           | 30.000               | 25.000               | 30.000             | 32.000                   | 35.000                 | 30.000          | 30.000                       |
| 11 | Cà chua              | loại 1 | 15.000          | 20.000      | 22.000           | 20.000               | 30.000               | 15.000             | 18.000                   | 15.000                 | 18.000          | 18.000                       |
| 12 | Bí đao               | loại 1 | 8.000           | 16.000      | 8.000            | 10.000               | 20.000               | 10.000             | 10.000                   | 15.000                 | 13.000          | 12.000                       |
| 13 | Khoai tây            | loại 1 | 12.000          | 15.000      | 12.000           | 14.000               | 12.000               | 12.000             | 15.000                   | 15.000                 | 15.000          | 15.000                       |
| 14 | Rau cải ngọt         | loại 1 | 8.000           | 14.000      | 10.000           | 12.000               | 14.000               | 12.000             | 12.000                   | 12.000                 | 12.000          | 11.000                       |
| 15 | Mướp đắng            | loại 1 | 8.000           | 11.000      | 9.000            | 10.000               | 9.000                | 11.000             | 10.000                   |                        |                 | 10.000                       |
| 16 | Rau bắp cải          | loại 1 | 10.000          | 13.000      | 12.000           | 10.000               | 10.000               | 12.000             | 10.000                   | 15.000                 | 15.000          | 12.000                       |
| 17 | Dưa chuột            | loại 1 | 8.000           | 15.000      | 15.000           | 10.000               | 14.000               | 10.000             | 12.000                   | 15.000                 | 15.000          | 12.000                       |
| 18 | Rau mồng (mở)        | loại 1 | 3.000           | 5.000       | 4.000            | 3.000                | 3.000                | 4.000              | 5.000                    |                        | 4.500           | 4.000                        |
| 19 | Rau ngót (mở)        | loại 1 | 3.000           | 4.000       | 4.000            | 4.000                | 3.000                | 4.000              | 4.500                    |                        | 3.000           | 4.000                        |
| 20 | Hoa hồng đỏ (bông)   | loại 1 | 1.000           | 5.000       | 5.000            | 5.000                | 5.000                | 5.000              | 3.000                    | 4.000                  | 4.000           | 4.500                        |
| 21 | Hoa ly hồng (cành)   | loại 1 | 25.000          | 25.000      | 25.000           | 25.000               | 30.000               | 30.000             | 20.000                   | 25.000                 | 35.000          | 25.000                       |
| 22 | Hoa cúc vàng (bông)  | loại 1 | 3.000           | 5.000       | 4.000            | 4.000                | 3.000                | 4.000              | 3.000                    | 4.000                  | 35.000          | 4.000                        |



**GIÁ CÁC MẶT HÀNG NÔNG SẢN, THỰC PHẨM  
TẠI MỘT SỐ TỈNH MIỀN BẮC**  
*Ngày 17 tháng 10 năm 2016*

(ĐVT: đ/kg)

| STT | Mặt hàng và quy cách   | Loại   | Sơn La  | Bắc Giang | Hưng Yên |
|-----|------------------------|--------|---------|-----------|----------|
| 1   | Thóc tẻ (KD, Q5)       | loại 1 | 7.200   | 7.000     | 6.800    |
| 2   | Gạo Xi dền             | loại 1 | 11.500  | 10.500    | 10.500   |
| 3   | Đậu t-ương             | loại 1 | 28.000  | 24.000    | 25.000   |
| 4   | Đậu xanh tách vỏ       | loại 1 | 50.000  | 52.000    | 50.000   |
| 5   | Lạc nhân               | loại 1 | 48.000  | 50.000    | 50.000   |
| 6   | Miến dong              | loại 1 | 48.000  | 50.000    | 52.000   |
| 7   | Thịt lợn hơi           | loại 1 | 48.000  | 50.000    | 48.000   |
| 8   | Thịt mông sẵn          | loại 1 | 80.000  | 80.000    | 80.000   |
| 9   | Gà Tam hoàng hơi       | loại 1 | 80.000  | 82.000    | 85.000   |
| 10  | Gà ta hơi              | loại 1 | 120.000 | 100.000   | 110.000  |
| 11  | Gà Ai cập hơi          | loại 1 | 90.000  | 95.000    | 92.000   |
| 12  | Vịt hơi                | loại 1 | 65.000  | 46.000    | 45.000   |
| 13  | Thịt bò thăn           | loại 1 | 250.000 | 260.000   | 250.000  |
| 14  | Trứng gà ta (quả)      | loại 1 | 4.000   | 4.000     | 4.000    |
| 15  | Trứng chim cú (10 quả) | loại 1 | 7.500   | 6.000     | 6.500    |
| 16  | Tôm sú                 | loại 1 | 500.000 | 450.000   | 450.000  |
| 17  | Cá quả                 | loại 1 | 100.000 | 110.000   | 110.000  |

**GIÁ CÁC MẶT HÀNG RAU, CỦ, QUẢ TẠI MỘT SỐ  
TỈNH MIỀN BẮC**  
*Ngày 17 tháng 10 năm 2016*

(ĐVT: đ/kg)

| STT | Mặt hàng và quy cách | Loại   | Sơn La | Bắc Giang | Hưng Yên |
|-----|----------------------|--------|--------|-----------|----------|
| 1   | Dưa hấu Miền Nam     | loại 1 | 18.000 | 17.000    | 17.000   |
| 2   | Lê                   | loại 1 | 30.000 | 30.000    | 30.000   |
| 3   | Nho xanh             | loại 1 | 90.000 | 85.000    | 85.000   |
| 4   | Cam Cao Phong        | loại 1 | 50.000 | 45.000    | 45.000   |
| 5   | Thanh long           | loại 1 | 35.000 | 30.000    | 30.000   |
| 6   | Mướp hương           | loại 1 | 15.000 | 14.000    | 12.000   |
| 7   | Hành tây             | loại 1 | 20.000 | 18.000    | 18.000   |
| 8   | Khoai tây            | loại 1 | 15.000 | 14.000    | 14.000   |
| 9   | Cà chua              | loại 1 | 18.000 | 15.000    | 15.000   |
| 10  | Rau cải mớ (mớ)      | loại 1 | 4.000  | 3.000     | 3.000    |
| 11  | Chanh (quả tươi)     | loại 1 | 15.000 | 12.000    | 12.000   |
| 12  | Tỏi ta khô           | loại 1 | 50.000 | 48.000    | 50.000   |
| 13  | Rau bắp cải          | loại 1 | 14.000 | 12.000    | 12.000   |
| 14  | Cà rốt               | loại 1 | 22.000 | 18.000    | 20.000   |
| 15  | Hành củ ta khô       | loại 1 | 52.000 | 50.000    | 50.000   |
| 16  | Bí đỏ                | loại 1 | 8.000  | 10.000    | 10.000   |

# DỰ BÁO

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện   | Địa chỉ  | Ngành nghề sản<br>xuất, kinh doanh   | Nhu cầu trong<br>30 ngày tới   |
|----|---|--|--------------------------------------|--|
| 1  | Cửa hàng cung ứng<br>hạt rau giống<br>Đại diện:<br>Nguyễn Văn Quân                  | Thị trấn Liên Quan<br>– huyện Thạch Thất<br>– Hà Nội<br>ĐT: 0918416585 | Hạt rau giống các<br>loại            | <b>Mua/bán:</b> Hạt rau giống các<br>loại với số lượng lớn (đảm bảo<br>chất lượng)<br><b>Khu vực bán:</b> Hà Nội và các<br>vùng lân cận            |
| 2  | Cửa hàng kinh doanh<br>thức ăn chăn nuôi<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Lan             | Xã Cấn Hữu – huyện<br>Quốc Oai – Hà Nội<br>ĐT: 0976364178              | Thức ăn chăn nuôi<br>các loại        | <b>Mua/bán:</b> Thức ăn chăn nuôi<br>các loại với số lượng lớn (đảm<br>bảo chất lượng)<br><b>Khu vực bán:</b> Hà Nội và các<br>vùng lân cận        |
| 3  | Cửa hàng cung ứng<br>hạt giống<br>Đại diện:<br>Phan Thị Mậu                         | Xã Hòa Thạch –<br>Huyện Quốc Oai –<br>Hà Nội<br>ĐT: 0984058136         | Hạt giống các loại                   | <b>Mua/bán:</b> Hạt giống các loại<br>với số lượng lớn (đảm bảo chất<br>lượng)<br><b>Khu vực bán:</b> Hà Nội và các<br>vùng lân cận                |
| 4  | Cửa hàng kinh doanh<br>phụ tùng máy nông<br>nghiệp<br>Đại diện:<br>Nguyễn Văn Nhiên | Thị trấn Quốc Oai<br>– Huyện Quốc Oai –<br>Hà Nội<br>ĐT: 0912645441    | Các loại phụ tùng<br>máy nông nghiệp | <b>Mua/bán:</b> Các loại phụ tùng<br>máy nông nghiệp với số lượng<br>lớn (đảm bảo chất lượng)<br><b>Khu vực bán:</b> Hà Nội và các<br>vùng lân cận |

## NHU CẦU MUA BÁN CỦA CÁC HỘ, CƠ SỞ KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện                           | Địa chỉ liên hệ  | Ngành nghề<br>kinh doanh  | Nhu cầu trong<br>15 ngày tới   |
|----|---|--|---------------------------|--|
| 1  | Hộ trồng hoa lan<br>Đại diện:<br>Đỗ Khắc Thành      | Xã Vân Hoà – huyện<br>Ba Vì - Hà Nội<br>ĐT: 0985295340   | Trồng hoa lan<br>các loại | - <b>Bán:</b> Hoa lan, lan giống với số lượng lớn (Đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận |
| 2  | Hộ sản xuất cây giống<br>Đại diện:<br>Thắng Lý      | Xã Cẩm Lĩnh – huyện<br>Ba Vì - Hà Nội<br>ĐT: 01666065909 | Cây giống<br>các loại     | - <b>Bán:</b> Cây giống các loại với số lượng lớn (Đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận |
| 3  | Hộ sản xuất cây giống<br>Đại diện:<br>Hoàng Vân     | Xã Thụy An – huyện<br>Ba Vì - Hà Nội<br>ĐT: 0972657577   | Cây giống<br>các loại     | - <b>Bán:</b> Cây giống các loại với số lượng lớn (Đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận |
| 4  | Hộ sản xuất cây giống<br>Đại diện:<br>Công Văn Toàn | Xã Cẩm Lĩnh – huyện<br>Ba Vì - Hà Nội<br>ĐT: 0977838109  | Cây giống<br>các loại     | - <b>Bán:</b> Cây giống các loại với số lượng lớn (Đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận |



## NHU CẦU MUA BÁN CỦA CÁC CƠ SỞ KINH DOANH TẠI CÁC CHỢ ĐẦU MỖI THÀNH PHỐ HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện                                      | Địa chỉ liên hệ   | Ngành nghề<br>SX - KD                         | Nhu cầu trong<br>30 ngày tới   |
|----|--|---|---|--|
| 1  | Cơ sở sản xuất bánh mì<br>Đại diện:<br>Nguyễn Hữu Thông        | Chợ Phủ – Thị trấn<br>Quốc Oai – huyện<br>Quốc Oai – Hà Nội<br>ĐT: 0916117691 | Sản xuất<br>bánh mì                           | - <b>Bán:</b> Bánh mì các loại với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (Đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận                         |
| 2  | Cửa hàng bán hoa tươi<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Phương        | Chợ Phủ – Thị trấn<br>Quốc Oai – huyện<br>Quốc Oai – Hà Nội<br>ĐT: 0988100671 | Bán hoa tươi<br>các loại                      | - <b>Bán:</b> Hoa tươi với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (Đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận                                 |
| 3  | Cửa hàng bán trái cây<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Ngọc          | Chợ Phủ – Thị trấn<br>Quốc Oai – huyện<br>Quốc Oai – Hà Nội<br>ĐT: 0965266725 | Bán trái cây<br>các loại                      | - <b>Bán:</b> Bán trái cây các loại với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (Đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận                    |
| 4  | Cửa hàng kinh doanh sản phẩm gia truyền<br>Đại diện:<br>Yến Tư | Chợ Hà Đông - quận<br>Hà Đông - Hà Nội<br>ĐT: 0433.553802                     | Bánh cốm, bánh<br>phu thê, xu xê,<br>ô mai... | - <b>Bán:</b> Bánh cốm, bánh phu thê, xu xê, ô mai... với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (Đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận. |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC TRANG TRẠI TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện  | Địa chỉ liên hệ   | Ngành nghề<br>SX - KD        | Nhu cầu trong 15<br>ngày tới  |
|----|--|---|------------------------------|---|
| 1  | Trang trại chăn nuôi<br>Đại diện:<br>Nguyễn Văn Trà              | Thôn Sơn Hà – xã<br>Đắc Sở - huyện Hoài<br>Đức – Hà Nội<br>ĐT: 01658585492    | Chăn nuôi gà                 | - <b>Bán:</b> Gà thịt, trứng gà với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận.      |
| 2  | Trang trại chăn nuôi<br>Đại diện:<br>Nguyễn Đình Giám            | Thôn Cát Ngòi – xã<br>Cát Quế - huyện<br>Hoài Đức – Hà Nội<br>ĐT: 01698917639 | Chăn nuôi gà                 | - <b>Bán:</b> Gà thịt, trứng gà với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận.      |
| 3  | Trang trại nuôi trồng<br>thủy sản<br>Đại diện:<br>Nguyễn Văn Tín | Thôn Ngọc Động - xã<br>Sơn Công - huyện<br>Ứng Hoà - Hà Nội<br>ĐT: 0983295806 | Nuôi cá, các<br>loại, vịt đẻ | - <b>Bán:</b> Cá các loại, trứng vịt với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận. |
| 4  | Trang trại chăn nuôi<br>Đại diện:<br>Nguyễn Đình Chiến           | Thôn Cát Ngòi - xã<br>Đắc Sở - huyện<br>Hoài Đức – Hà Nội<br>ĐT: 0974956471   | Chăn nuôi<br>lợn thịt        | - <b>Bán:</b> Lợn thịt với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (đảm bảo chất lượng)<br>- <b>Khu vực mua bán:</b> Hà Nội và các vùng lân cận.               |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC LÀNG NGHỀ TẠI KHU VỰC HÀ NỘI

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện                              | Địa chỉ liên hệ  | Ngành nghề<br>SX - KD   | Nhu cầu trong 15 ngày<br>tới  |
|----|--|--|-------------------------|---|
| 1  | Cơ sở sản xuất bánh tẻ<br>Đại diện:<br>Nguyễn Văn Tiến | Phú Nhi – Phú Thịnh –<br>Thị xã Sơn Tây –<br>Hà Nội<br>ĐT: 01687922757 | Sản xuất<br>bánh tẻ gia | <b>Bán:</b> Bánh tẻ với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (đảm bảo chất lượng)<br><b>- Khu vực mua (bán):</b><br>Hà Nội và các vùng lân cận  |
| 2  | Cơ sở sản xuất bánh tẻ<br>Đại diện:<br>Nguyễn Vinh Hải | Phú Nhi – Phú Thịnh –<br>Thị xã Sơn Tây –<br>Hà Nội<br>ĐT: 01674872958 | Sản xuất bánh tẻ        | <b>Bán:</b> Bánh tẻ với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (đảm bảo chất lượng)<br><b>- Khu vực mua (bán):</b><br>Hà Nội và các vùng lân cận  |
| 3  | Cơ sở sản xuất bánh tẻ<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Lan  | Phú Nhi – Phú Thịnh –<br>Thị xã Sơn Tây –<br>Hà Nội<br>ĐT: 01652103811 | Sản xuất bánh tẻ        | <b>-Bán:</b> Bánh tẻ với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (đảm bảo chất lượng)<br><b>- Khu vực mua (bán):</b><br>Hà Nội và các vùng lân cận |
| 4  | Cơ sở sản xuất bánh tẻ<br>Đại diện:<br>Nguyễn Thị Oanh | Phú Nhi – Phú Thịnh –<br>Thị xã Sơn Tây –<br>Hà Nội<br>ĐT: 01672690681 | Sản xuất bánh tẻ        | <b>Bán:</b> Bánh tẻ với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (đảm bảo chất lượng)<br><b>- Khu vực mua (bán):</b><br>Hà Nội và các vùng lân cận  |

## NHU CẦU MUA, BÁN CỦA CÁC HỘ SẢN XUẤT, KINH DOANH TẠI MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC

| TT | Đơn vị,<br>người đại diện                                       | Địa chỉ liên hệ  | Ngành nghề<br>SX - KD                       | Nhu cầu trong 15 ngày tới  |
|----|---|--|---|--|
| 1  | Trang trại giống<br>cây trồng<br>Đại diện:<br>Nguyễn Mạnh Tuyển | Phường Bến Tắm –<br>huyện Chí Linh – tỉnh<br>Hải Dương<br>ĐT: 03203.887798                 | Trồng và sản<br>xuất các loại<br>cây ăn quả | <p>- <b>Bán:</b> Giống cây ăn quả các loại với số lượng lớn (Đảm bảo chất lượng)</p> <p>- <b>Khu vực bán:</b> Trong tỉnh và các vùng lân cận</p>     |
| 2  | Trang trại chăn nuôi<br>Đại diện:<br>Lê Chí Thành               | Khối 6 - Phường<br>Tam Thanh – thành phố<br>Lạng Sơn - tỉnh<br>Lạng Sơn<br>ĐT: 0983.312919 | Nuôi nhím                                   | <p>- <b>Bán:</b> Nhím giống với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (Đảm bảo chất lượng)</p> <p>- <b>Khu vực bán:</b> Trong tỉnh và các vùng lân cận</p>  |
| 3  | Trang trại lợn rừng<br>Đại Sơn<br>Đại diện:<br>Đại Sơn          | Tân Hoà - xã Hợp Đức<br>– huyện Tân Yên - tỉnh<br>Bắc Giang<br>ĐT: 0983.997968             | Lợn rừng<br>giống, lợn<br>rừng thịt         | <p>- <b>Bán:</b> Lợn rừng giống, lợn rừng thịt với số lượng lớn (đảm bảo chất lượng)</p> <p>- <b>Khu vực bán:</b> Trong tỉnh và các vùng lân cận</p> |
| 4  | Cơ sở cung cấp hàng<br>nông sản<br>Đại diện:<br>Đỗ Đức Dũng     | Thái Hòa - Yên Phương<br>– huyện Ý Yên - tỉnh<br>Nam Định<br>ĐT: 01656232404               | Trồng bí đỏ                                 | <p><b>Bán:</b> Quả bí đỏ với số lượng lớn theo đơn đặt hàng (Đảm bảo chất lượng)</p> <p>- <b>Khu vực bán:</b> Trong tỉnh và các vùng lân cận</p>     |